

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

VGC, VHC

## [Cập nhật công ty]

BID, VNM

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua với tỷ trọng nhỏ quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1080 (+-15)

05/12/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,115.97	-0.40
VN30	1,100.42	-0.61
HĐTL VN30F1M	1,099.00	-0.72
HNXIndex	231.34	+0.01
HNX30	498.19	+0.24
UPCoM	86.02	+0.06
USD/VND	24,278	+0.11
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.33	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.17	+5
Dầu (WTI, \$)	73.76	+0.99
Vàng (LME, \$)	2,037.21	+0.38



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,115.97 (-0.40%)  
**KLGD (triệu CP)** 753.4 (-23.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 704.0 (-29.5%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 1554.56 tỷ đồng, tập trung tại HPG (-0.91%), FUSSVFL (-1.26%), VHM (-1.94%).

**HNXIndex** 231.34 (+0.01%)  
**KLGD (triệu CP)** 91.8 (-36.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 83.3 (-26.6%)

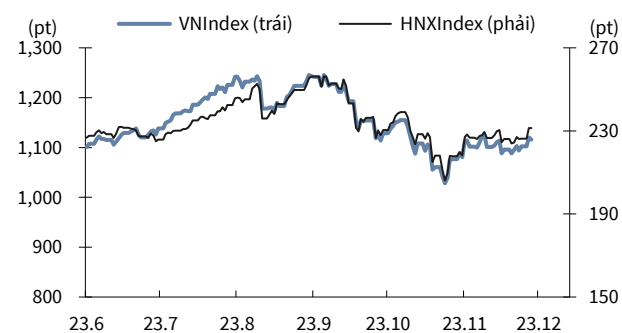
Bộ GTVT đã giải ngân khoảng 71,200 tỷ đồng vốn đầu tư công (76% kế hoạch) trong 11 tháng đầu năm 2023, đặt mục tiêu giải ngân tối thiểu đạt 95% năm 2023. Cổ phiếu Đầu tư công tăng giá ở VCG (+1.03%), C4G (+1.64%).

**UPCoM** 86.02 (+0.06%)  
**KLGD (triệu CP)** 35.9 (-52.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 21.6 (-28.5%)

Theo Bộ NN&PTNT, 11 năm đầu năm 2023, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản đạt hơn 24.3 tỷ USD (+17% YoY). Cổ phiếu Nông nghiệp tăng giá ở LTG (+2.48%), HSL (+2.02%).

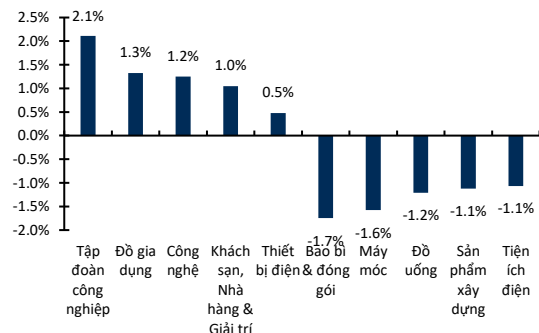
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -66.8

## VNIndex & HNXIndex



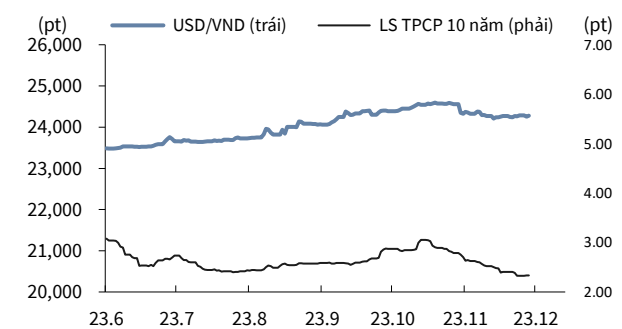
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

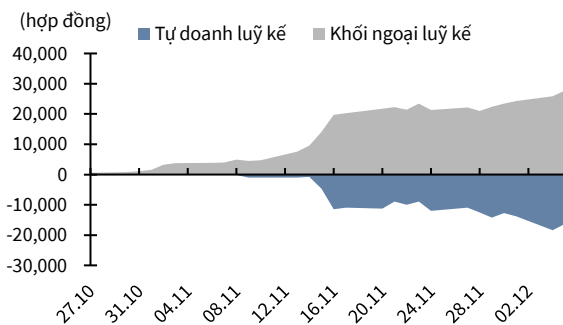
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,100.42 (-0.61%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,099.0 (-0.72%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,105.6</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,108.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,096.1</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>217,581 (-15.1%)</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2312 và VN30 mở cửa tại -1.16 điểm, sau đó biến động quanh mức -0.5 điểm và đóng cửa tại -1.53 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

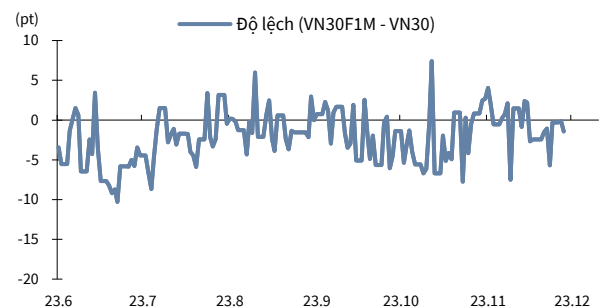
Khối ngoại mua ròng 1,856 HĐTL VN30F2312 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 27,730 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 2,099 hợp đồng tuy nhiên đang duy trì vị thế bán lũy kế 16,295 hợp đồng.

## Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



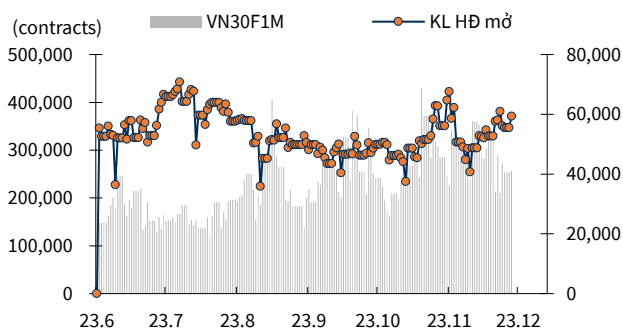
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



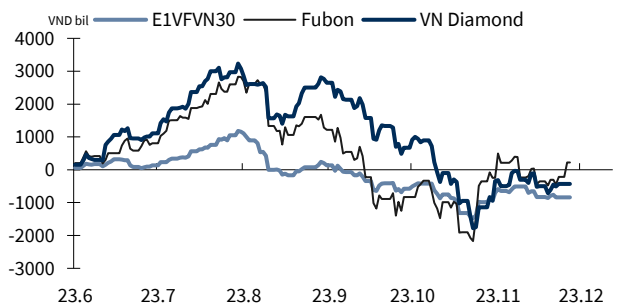
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

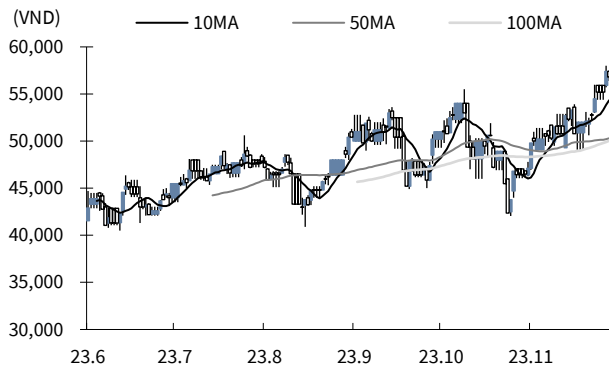
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tổng Công ty Viglacera - CTCP (VGC)

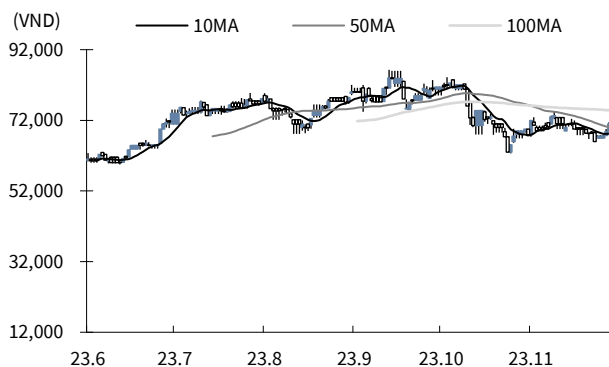


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VGC giảm 1.05% xuống 56,800 VND/cp

- Tổng công ty Viglacera – CTCP cho biết trong tháng 11, lợi nhuận công ty mẹ đã vượt 1% kế hoạch tháng. Lũy kế 11 tháng đầu năm, lợi nhuận trước thuế công ty mẹ đã đạt 1,856 tỷ đồng, tăng 7% YoY và vượt 42% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn tổng công ty ước đạt 1,663 tỷ đồng, đạt 137% kế hoạch. Như vậy tính riêng tháng 10 và 11, Viglacera ước lãi trước thuế hợp nhất khoảng 74 tỷ đồng. Quý IV/2022, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt gần 272 tỷ đồng.

## CTCP Vĩnh Hoàn (VHC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHC tăng 3.2% lên 71,000 VND/cp

- CTCP Vĩnh Hoàn vừa thông qua việc phát hành hơn 37.4 triệu cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ thực hiện quyền 20%. Nguồn vốn phát hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối xác định tại ngày 31/12/2022 theo báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán. Ngày 9/11, Vĩnh Hoàn đã hoàn tất phát hành gần 3.67 triệu cổ phiếu ESOP cho người lao động, nâng số cổ phiếu lưu hành lên hơn 187 triệu đơn vị. Như vậy sau đợt chi trả cổ tức bằng cổ phiếu nói trên, vốn điều lệ của Vĩnh Hoàn sẽ tăng tương ứng từ 1,870 tỷ đồng lên 2,244 tỷ đồng.

04/12/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang  
 Giangnt1@kbsec.com.vn

### Kết quả kinh doanh khởi sắc nhờ cải thiện biên lợi nhuận gộp

Kết thúc 3Q2023, VNM đạt doanh thu thuần 15,636 tỷ đồng giảm nhẹ 2,8% yoy do ảnh hưởng từ tiêu thụ ngành sữa suy giảm. Biên lợi nhuận gộp đạt 41.9% tăng 2.4 điểm phần trăm yoy do giá bột sữa giảm mạnh và tiếp tục neo ở mức thấp. LNST đạt 2,533 tỷ đồng tăng 9.1% yoy, lợi nhuận lên mức cao nhất kể từ Q3/2021.

### Thị trường nội địa suy giảm khi ngành sữa gặp khó do sức mua yếu, tuy nhiên đã chiếm thêm thị phần

Thị trường nội địa tiếp tục khó khăn khi toàn ngành sữa tăng trưởng âm. Tuy nhiên tín hiệu tích cực là VNM đã khôi phục được gần 2 điểm phần trăm thị phần so với hồi đầu năm sau khi thực hiện chiến dịch thay đổi nhận diện thương hiệu và hoàn tất thay đổi bao bì cho các sản phẩm, cùng với đó là thực hiện nhiều chiến dịch marketing, khuyến mãi tại các điểm bán. MCM tiếp tục ghi nhận tăng trưởng âm do sức mua kém tại thị trường miền núi phía Bắc.

### Thị trường nước ngoài bắt đầu có những tín hiệu tích cực

Tổng doanh thu nước ngoài đạt 2,384 tỷ đồng (+3.5% yoy). Thị trường xuất khẩu khởi sắc hơn các quý trước nhờ một số thị trường có tình hình chính trị ổn định hơn, bước đầu có những tín hiệu khả quan khi gia nhập thị trường Trung Quốc. Tại chi nhánh nước ngoài, AngkorMilk tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định 10%, Driftwood đang bắt đầu trở lại tăng trưởng bình thường với doanh thu đi ngang so với cùng kỳ.

### Khuyến nghị: NĂM GIỮ - Giá mục tiêu 76,700 VND

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2023 của VNM với doanh thu thuần đạt 60,811 tỷ đồng (+1.4% yoy), LNST đạt 8,980 tỷ đồng (+4.7% yoy). Chúng tôi đưa ra khuyến nghị NĂM GIỮ đối với cổ phiếu VNM với giá mục tiêu 76,700 VND/cổ phiếu.

## NĂM GIỮ DUY TRÌ

Giá mục tiêu	76,700 VND
Tăng/giảm (%)	12%
Giá hiện tại (04/12/2023)	68,800VND
Giá mục tiêu đồng thuận	87,558VND
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	143/5.96

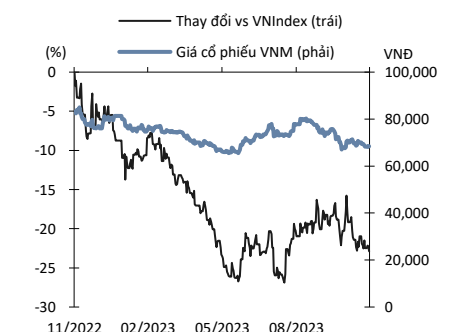
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	35.2%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	175.2/7.3
Sở hữu nước ngoài	54.7%
Cổ đông lớn	SCIC (36%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	0.6	-11.6	1.9	-17.4
Tương đối	-3.3	-3.5	-0.6	-21.5

### Dự phóng KQKD & định giá

	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	60,919	59,956	60,811	63,816
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	11,760	9,753	9,757	11,169
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	10,633	8,578	8,980	9,960
EPS (VND)	4,517	3,632	4,249	4,724
Tăng trưởng EPS (%)	-5%	-20%	17%	11%
P/E (x)	17.1	21.3	18.2	16.4
P/B (x)	4.5	4.9	4.8	4.6
ROE (%)	30%	25%	27%	29%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	4.5%	7.1%	5.7%	5.3%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# BIDV (BID)

## Kỳ vọng NIM hồi phục trong năm 2024

05/12/2023

 Trưởng nhóm Nguyễn Anh Tùng  
 tungna@kbsec.com.vn

3Q2023, LNTT đạt 5,893 tỷ VND, giảm 11.7% YoY

3Q2023, BID có thu nhập lãi thuần đạt 13,783 tỷ VND (-0.9% QoQ, -2.2% YoY); TOI đạt 17,887 tỷ VND (+3.6% QoQ, +1.9% YoY). Chi phí trích lập dự phòng đạt 5,950 tỷ VND (+51.3% QoQ, +9.6% YoY) khiến LNTT đạt 5,893 tỷ VND (-15.2% QoQ, -11.7% YoY). Lũy kế 9M2023, LNTT đạt 19,763 tỷ VND, tăng 11.8% YoY.

Kỳ vọng NIM hồi phục trong năm 2024

KBSV kỳ vọng NIM của BID sẽ được cải thiện trong năm 2024 dựa trên: (1) Các khoản huy động khách hàng lãi suất cao kỳ hạn 1 năm giai đoạn 4Q2022 – 1Q2023 sẽ đáo hạn trong nửa đầu năm 2024; (2) Lãi suất huy động đang được duy trì ở mức thấp; (3) CASA phục hồi khi các doanh nghiệp quay trở lại ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kiểm soát chất lượng tài sản tốt hơn trong 3Q2023

Tỷ lệ nợ xấu 3Q2023 của BID đạt 1.60% (+1bps QoQ) nằm trong nhóm các ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu tăng thấp trong 3Q2023, sau VPB và EIB. Chất lượng tài sản khả quan hơn trong quý 3 cùng với tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao thứ 3 toàn ngành, đạt 158.4% là cơ sở để BID có thể hoàn thành chỉ tiêu trích lập 20-21 nghìn tỷ VND trong năm 2023.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 47,900 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu cho năm 2024 là 47,900VND/cp, cao hơn 23.1% so với giá tại ngày 04/12/2023.

## MUA Thay đổi

Giá mục tiêu VND47,900

Tăng/Giảm	23.1%
Giá hiện tại (04/12/2023)	VND38,900
Giá mục tiêu thị trường	VND45,098
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	226,878

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	41.9/1.71
Sở hữu nước ngoài (%)	17.22%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.99%)

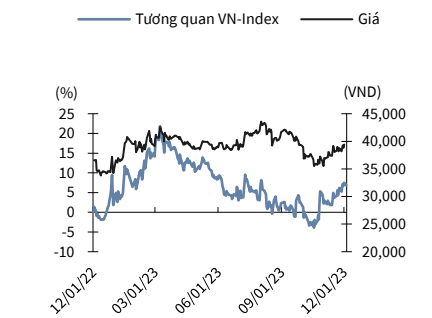
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	7	-4	2	15
Tương đối	4	4	2	7

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	46,823	56,070	57,323	66,783
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	43,028	47,025	47,972	55,373
LNST (tỷ VND)	10,841	18,420	20,731	24,795
EPS (VND)	2,084	3,590	3,586	4,294
Tăng trưởng EPS (%)	20%	72%	0%	20%
PER (x)	18.7	10.8	10.8	9.1
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	17,066	20,597	21,864	26,158
PBR (x)	2.28	1.89	1.78	1.49
ROE (%)	13.1%	19.3%	18.1%	18.1%
Tỉ suất cổ tức (%)	0.51%	0.00%	0.00%	0.00%

Nguồn: Fiiipro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp giảm điểm với diễn biến rung lắc trong hầu hết phiên giao dịch.
- Trái ngược với nhịp tăng điểm ngày hôm qua, phe mua ngày hôm nay đã cho thấy sự bị động hơn tại ngưỡng cản MA200 ngày khi lực bán chiếm ưu thế trong hầu hết phiên giao dịch, đưa chỉ số vào trạng thái kém tích cực hơn. Mặc dù vậy, với việc thanh khoản giảm và hầu hết các nhóm ngành không xuất hiện mức điều chỉnh sâu, nhiều khả năng chỉ số vẫn có thể duy trì đà hồi phục lên vùng đích kỳ vọng được đặt tại 1150 (+10).
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua với tỷ trọng nhỏ quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1080 (+15)

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1130 - 1135

Kháng cự gần: 1115 - 1119

Hỗ trợ gần: 1088 - 1093

Hỗ trợ xa: 1065 - 1070

- F1 trải qua một nhịp giảm điểm với diễn biến rung lắc trong hầu hết phiên giao dịch
- Trái ngược với nhịp tăng điểm ngày hôm qua, phe mua ngày hôm nay đã cho thấy sự bị động hơn tại ngưỡng cản MA20 ngày khi lực bán chiếm ưu thế trong hầu hết phiên giao dịch, đưa chỉ số vào trạng thái kém tích cực hơn. Với việc xu hướng giảm điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo và phe bán thể hiện sự quyết liệt hơn tại các vùng cản, nhiều khả năng F1 sẽ gặp áp lực điều chỉnh đáng kể trở lại quanh ngưỡng kháng cự gần 1115 (+5)
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

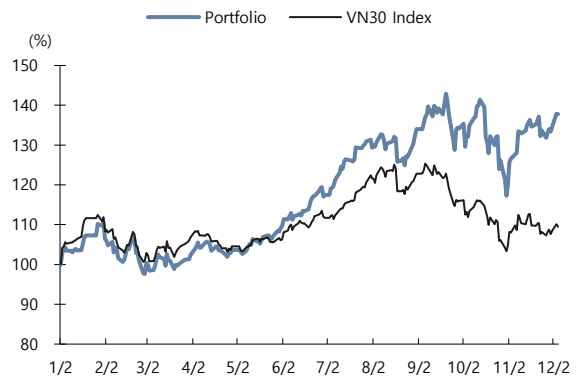
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.61%	-0.07%
Tăng lũy kế (YTD)	9.47%	37.78%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/12/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	33,300	-0.9%	22.7%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	11/01/2023	80,000	-0.6%	11.1%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Kinh Bắc (KBC)	10/02/2023	32,850	0.0%	1.7%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Trảng Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	15,300	-1.3%	21.0%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	22,150	-0.7%	2.5%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nhon Trach 2 (NT2)	11/01/2023	24,900	2.5%	9.0%	- Kỳ vọng điện khí khả quan hơn từ 4Q2023 khi A0 tăng cường huy động từ cuối tháng 9 - Giá khí đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với mức trung bình 2022 - NT2 sẽ kết thúc quá trình đại tu sau 3Q2023
Hoa Sen Group (HSG)	11/01/2023	22,300	0.2%	26.0%	- Kênh xuất khẩu hỗ trợ doanh thu - Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng cải thiện sớm nhờ đã đẩy hết lượng hàng tồn kho giá cao - Cơ cấu tài chính an toàn
Vietinbank (CTG)	11/01/2023	26,500	-0.2%	8.1%	- Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt 12% trong năm 2023 - Giá chiết khấu sâu so với định giá
FPT (FPT)	11/01/2023	94,800	1.3%	11.0%	- Triển vọng tích cực được dẫn dắt bởi mảng CNTT - Mảng viễn thông và giáo dục duy trì tăng trưởng tích cực
Vinamilk (VNM)	11/01/2023	68,100	-1.0%	-3.3%	- Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện - Thị phần cải thiện nhờ chiến dịch thay đổi nhận diện thương hiệu

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	0.0%	21.4%	11.6
VGC	-1.1%	5.7%	7.0
VHC	3.2%	30.4%	4.6
FUEMAVND	-0.4%	97.8%	3.9
DRC	1.3%	12.8%	3.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.9%	25.2%	-187.9
FUESSVFL	-1.3%	89.2%	-173.6
VHM	-1.9%	23.2%	-172.4
VCB	-0.7%	23.5%	-100.2
VNM	-1.0%	54.7%	-91.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	-0.4%	4.6%	2.5
PVI	-0.2%	59.4%	0.6
MBS	0.9%	0.6%	0.3
LAS	0.7%	0.3%	0.3
HUT	-1.0%	1.8%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-0.5%	14.4%	-37.7
PVS	1.8%	21.8%	-9.3
IDC	1.2%	1.6%	-5.1
TNG	-1.6%	20.0%	-2.5
NVB	-0.9%	4.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	7.6%	VGC, BMP, SHI, DAG
Tiện ích điện	7.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Chứng khoán	6.5%	SSI, VND, HCM, VCI
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	5.2%	PLX, PGC, CNG, GSP
Vật liệu xây dựng	5.1%	HT1, PTB, GAB, ACC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-2.2%	TDP, SVI, MCP, TPC
Đồ uống	-1.4%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng không dân dụng	-1.2%	VJC, HVN
Vận tải hàng không & Logistics	-0.5%	TMS, SCS, STG, ASG
Thực phẩm	-0.1%	VNM, MSN, KDC, VHC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	18.6%	SSI, VND, HCM, VCI
Xây dựng và kỹ thuật	15.5%	DIG, HDG, VCG, PC1
Sản phẩm xây dựng	15.3%	VGC, BMP, SHI, DAG
Tập đoàn công nghiệp	12.4%	REE, BCG, PET, EVG
Hàng hải	12.2%	VSC, VOS, SKG, VTO

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-4.7%	AST, VNG, DSN, DAH
Giấy & lâm sản	-3.3%	DHC, HAP, HHP, VID
Thực phẩm	-1.9%	VNM, MSN, KDC, VHC
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-1.6%	TLG, ILB, APC, ST8
Bao bì & đóng gói	-1.6%	TDP, SVI, MCP, TPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)			EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	180,030 (7.4)	22.5	37.0	254.0	14.7	3.3	0.0	1.4	1.4	-0.3	0.9	2.9	-20.4		
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	302,446 (12.4)	26.6	4.6	5.1	35.9	22.5	18.8	1.0	0.9	-1.9	-0.6	0.0	-15.6		
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	99,585 (4.1)	17.8	12.1	11.8	-7.6	12.2	10.6	1.4	1.3	-0.7	0.2	-6.4	-13.1		
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	574,044 (23.6)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	-	-	0.3	4.3	25.1	30.0		
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	52,961 (2.2)	11.6	25.1	22.7	13.7	9.1	10.5	1.8	1.8	-1.5	2.6	9.9	33.2		
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	439,936 (18.1)	13.9	55.0	45.2	-	2.5	3.1	1.4	1.3	2.2	6.8	16.9	65.5		
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	94,281 (3.9)	6.3	15.6	13.3	11.7	21.2	19.8	2.7	2.2	-0.7	-0.5	-3.9	26.1		
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	35,074 (1.4)	12.7	11.6	9.1	-5.3	17.9	19.3	1.9	1.6	-0.4	2.1	7.7	15.8		
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	101,244 (4.2)	0.0	5.8	4.9	14.3	14.9	15.3	0.8	0.7	-0.5	0.3	-3.1	16.2		
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	86,481 (3.6)	1.4	7.7	6.4	50.3	15.8	17.3	1.1	1.0	-0.2	1.1	5.8	8.7		
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	200,955 (8.3)	0.0	11.7	8.9	18.8	9.6	11.6	1.1	1.0	-1.8	-1.0	-3.3	7.0		
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	155,411 (6.4)	0.0	4.7	4.1	14.6	24.5	23.1	1.0	0.8	0.0	1.1	3.7	21.4		
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	146,846 (6.0)	4.2	6.1	4.6	23.3	21.4	23.0	1.2	1.0	-0.3	2.2	0.5	33.0		
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	484,111 (19.9)	14.0	9.4	5.0	26.5	16.7	21.6	1.2	1.0	-1.4	-1.2	-2.5	23.6		
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	100,531 (4.1)	0.0	6.9	6.0	37.4	16.6	17.4	1.1	1.0	-0.9	1.8	6.2	12.7		
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	185,198 (7.6)	0.2	-	-	27.3	7.7	11.4	-	-	-0.8	2.2	4.2	-6.0		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,442 (0.5)	21.0	16.4	16.2	15.8	8.7	8.4	1.4	1.3	-0.5	0.5	-1.5	-14.6		
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,848 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-0.5	0.5	-0.2	9.2		
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	755,084 (31.1)	55.4	23.7	21.3	-3.2	9.1	8.8	2.2	2.2	-0.9	6.1	15.2	88.1		
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	317,068 (13.1)	71.9	37.3	26.9	-4.0	7.9	10.8	2.9	2.9	-0.7	7.3	16.3	87.5		
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	159,150 (6.6)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-0.8	5.3	13.9	53.8		
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	576,635 (23.7)	27.2	19.7	19.4	36.3	9.3	9.3	1.9	1.8	-0.7	8.4	21.9	67.0		
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	154,742 (6.4)	42.1	18.3	15.6	4.0	28.1	30.1	4.6	4.3	-1.0	-0.6	-2.7	-10.5		
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	43,981 (1.8)	36.9	18.2	17.2	7.3	18.8	21.5	3.4	3.7	-1.1	-1.4	0.2	-23.3		
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	107,007 (4.4)	16.5	68.1	27.4	-51.9	3.9	11.7	3.3	2.9	-1.3	0.2	-3.9	-34.0		
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	7,065 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.5	0.0	9.6	-6.5		
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	96,004 (4.0)	11.0	58.9	23.6	-88.5	5.4	13.7	3.7	3.2	-0.7	-1.3	-1.3	-4.0		
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	74,199 (3.1)	10.8	11.0	18.9	-57.0	31.3	13.4	2.4	2.3	-0.6	4.0	8.0	54.6		
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	171,170 (7.0)	38.4	35.1	22.4	65.7	2.4	3.8	-	-	0.0	4.7	9.0	36.8		
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-		
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	476,930 (19.6)	37.7	33.3	28.1	-14.4	5.1	8.9	1.6	1.5	1.1	9.5	23.9	89.9		
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	132,207 (5.4)	3.6	27.2	27.9	-52.4	2.7	2.7	0.8	0.7	-1.7	4.0	12.0	161.0		
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	17,932 (0.7)	0.0	10.0	9.2	-4.5	13.2	13.0	1.3	1.2	2.2	3.7	11.9	-4.6		

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	42,774 (1.8)	46.1	15.8	16.3	-17.5	19.1	18.1	2.9	2.6	0.0	2.6	-0.1	-6.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,780 (0.5)	31.4	18.2	12.8	-10.5	9.0	14.6	1.7	1.6	2.5	2.9	6.2	-13.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,319 (0.1)	34.1	13.2	7.0	-5.1	7.4	13.1	-	-	-1.0	8.9	14.8	16.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	682,701 (28.1)	18.0	25.7	13.0	21.9	6.2	10.9	1.6	1.4	-0.9	2.1	8.6	51.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	71,168 (2.9)	36.5	17.6	15.9	-0.5	6.4	7.8	1.1	1.1	-1.2	4.0	6.3	-21.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	109,400 (4.5)	46.5	16.3	11.0	-4.5	10.5	15.8	1.4	1.4	-1.1	5.3	12.1	24.0
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	299,104 (12.3)	38.9	19.8	15.7	67.9	6.6	8.7	1.2	1.2	0.2	4.7	14.7	98.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	24,203 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-	1.1	3.3	7.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	31,074 (1.3)	4.6	15.2	13.3	-51.0	12.9	12.8	1.8	1.7	0.1	5.5	7.4	12.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	147,256 (6.1)	39.9	34.4	13.9	-11.9	4.4	7.8	1.0	1.1	-0.2	5.3	11.7	61.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	123,695 (5.1)	35.9	9.2	7.8	2.2	15.6	15.6	1.3	1.2	-1.1	3.7	11.3	20.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	386,364 (15.9)	0.0	57.1	18.9	14.4	1.3	8.7	2.4	2.2	0.1	5.3	2.7	-6.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	42,216 (1.7)	0.0	15.3	13.0	2.4	18.9	19.7	2.8	2.4	-0.6	1.1	8.4	-11.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	9,982 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	2.0	5.0	100.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	40,528 (1.7)	30.3	201.8	41.5	-75.2	2.3	14.8	-	-	-1.2	3.0	6.0	69.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	13,246 (0.5)	34.6	14.7	20.0	41.2	15.1	12.0	2.0	1.9	0.4	4.4	8.0	22.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,375 (0.1)	45.4	11.8	10.9	10.7	25.9	24.4	2.8	2.4	0.0	1.9	0.3	22.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	192,305 (7.9)	0.0	19.0	15.5	15.5	28.1	29.6	4.9	4.2	1.3	4.1	9.0	41.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhdt@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

